

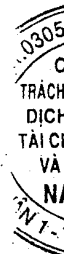
# **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM**

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
**đã được kiểm toán**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	05 – 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	10 – 11
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	12 – 24



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001077 ngày 20/12/2006, giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 07/01/2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Nghệ An cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất bia, rượu, nước giải khát; mua bán vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn; cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 03 Trần Phú, P. Lê Mao, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Đăng Tuất	Chủ tịch
Ông Văn Thanh Liêm	Ủy viên
Ông Cao Thanh Bích	Ủy viên
Ông Võ Hải Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Võ Hải Thanh	Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Anh	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Lâm Hòa	Phó Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Thái Thị Ánh Hồng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thiện	Thành viên

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty.

#### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

29001

ÔNG T  
B  
SÀI GÒN-S

NH-T

1388

ÔNG T  
NHỆM H  
VỤ TƯ  
INH KẾ  
KIỂM TỐ

M VII

PHỒ

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Tp. Vinh, ngày 12 tháng 01 năm 2013

83332

CỔ PH  
A  
NG L

NGHỆ

C.T.C.P.  
HẠN  
VĂN  
TOÁN  
ÁN  
T  
CHÍ MINH



Số: 22/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
*Về Báo cáo tài chính năm 2012*  
*của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam được lập ngày 12/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



**Nguyễn Minh Tiến**  
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2012

**Kiểm toán viên**

**Lê Hồng Đào**  
Chứng chỉ KTV số: 1732/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>374.485.668.501</b>	<b>227.104.208.981</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>246.765.107.319</b>	<b>100.781.900.917</b>
1. Tiền	111		46.765.107.319	100.781.900.917
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>46.896.198.038</b>	<b>61.170.816.295</b>
1. Phải thu khách hàng	131		45.299.883.447	55.790.137.040
2. Trả trước cho người bán	132		1.579.469.990	5.060.466.963
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	16.844.601	320.212.292
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.3	<b>79.369.725.250</b>	<b>63.910.656.760</b>
1. Hàng tồn kho	141		79.369.725.250	63.910.656.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>1.454.637.894</b>	<b>1.240.835.009</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.444.637.894	1.240.835.009
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.000.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>1.061.278.904.026</b>	<b>1.162.634.272.761</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>1.019.445.006.928</b>	<b>1.103.441.184.762</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	1.011.695.936.964	1.097.394.324.871
- Nguyên giá	222		1.206.652.553.187	1.205.997.841.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(194.956.616.223)	(108.603.516.402)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

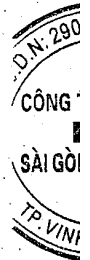
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	43.283.600	73.830.800
- Nguyên giá	228		91.650.000	91.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.366.400)	(17.819.200)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	7.705.786.364	5.973.029.091
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>41.833.897.098</b>	<b>59.193.087.999</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	41.833.897.098	59.193.087.999
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.435.764.572.527</b>	<b>1.389.738.481.742</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.082.170.170.384</b>	<b>996.850.909.315</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>343.322.182.419</b>	<b>354.843.232.355</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		231.883.060.336	157.924.989.610
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	65.711.001.474	122.620.943.860
5. Phải trả người lao động	315		4.665.675.237	3.340.587.709
6. Chi phí phải trả	316	V.9	40.356.572.992	70.305.665.439
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	705.872.380	651.045.737
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>738.847.987.965</b>	<b>642.007.676.960</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.11	320.000.000	320.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	731.772.970.738	631.041.177.681
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	87.701.043
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.13	6.755.017.227	10.558.798.236
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>353.594.402.143</b>	<b>392.887.572.427</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>353.594.402.143</b>	<b>392.887.572.427</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		450.000.000.000	450.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(96.405.597.857)	(57.112.427.573)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.435.764.572.527</b>	<b>1.389.738.481.742</b>



388.

NG T  
HỆM H  
/U TU  
H KẾ  
EM TI  
-1 VI  
H C



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

**Đặng Hải Hà**

Tp. Vinh, ngày 12 tháng 01 năm 2013

Kê toán trưởng

**Phan Thanh Thảo**

Giám đốc



**Đặng Hải Thanh**

1783

Y CỎ  
IA  
-SÔN

-T.N

C.T.Đ.P  
HẠN  
VĂN  
TOÁN  
ÁN  
T  
PHI MINH

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.281.091.118.902	1.068.617.867.791
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	434.610.098.396	357.684.872.041
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	846.481.020.506	710.932.995.750
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	781.966.291.215	663.109.716.560
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.514.729.291	47.823.279.190
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	13.494.088.436	12.848.932.034
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	98.939.327.257	99.864.615.920
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		98.564.926.091	99.864.615.920
8. Chi phí bán hàng	24		1.075.209.932	881.424.929
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.036.051.193	16.578.123.636
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(40.041.770.655)	(56.651.953.261)
11. Thu nhập khác	31		841.315.402	924.622.092
12. Chi phí khác	32		92.715.031	502.100.754
13. Lợi nhuận khác	40		748.600.371	422.521.338
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(39.293.170.284)	(56.229.431.923)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(39.293.170.284)	(56.229.431.923)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(873)	(1.250)

Người lập biểu

Đặng Hải Hà

Tp. Vinh, ngày 12 tháng 01 năm 2013

Kê toán trưởng

Phan Thanh Thảo

Giám đốc



Võ Hải Thanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			(39.293.170.284)	(56.229.431.923)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		89.439.090.830	89.655.369.721
- Các khoản dự phòng	03		(87.701.043)	71.418.441
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(3.652.287.946)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.748.474.573)	(12.848.932.034)
- Chi phí lãi vay	06		98.564.926.091	99.864.615.920
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		<b>138.222.383.075</b>	<b>120.513.040.125</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.264.618.257	(10.758.318.858)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.459.068.490)	(3.505.258.339)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(20.485.438.940)	71.079.533.977
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		17.155.388.016	(38.078.947.845)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(94.868.176.146)	(96.063.832.342)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		258.830.000	300.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(268.830.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>38.819.705.772</b>	<b>43.486.216.718</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(316.767.000)	(4.558.568.690)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.748.474.573	12.848.932.034
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>6.431.707.573</b>	<b>8.290.363.344</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		125.691.469.995	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24.959.676.938)	(73.500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>100.731.793.057</b>	<b>(73.500.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>145.983.206.402</b>	<b>(21.723.419.938)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>100.781.900.917</b>	<b>122.505.320.855</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	V.1	<b>246.765.107.319</b>	<b>100.781.900.917</b>

Người lập biểu

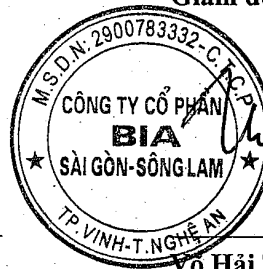
**Đặng Hải Hà**

Tp. Vinh, ngày 12 tháng 01 năm 2013

Kê toán trưởng

**Phan Thanh Thảo**

Giám đốc



**Võ Hải Thanh**



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001077 ngày 20/12/2006, giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 07/01/2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Nghệ An cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 03 Trần Phú, P. Lê Mao, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất bia, rượu, nước giải khát; mua bán vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn; cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

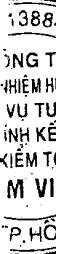
#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản trong đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	12 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

078333

Y CỐ P  
BIA  
SÔNG

T. NG

C.T.I.  
HẠN  
VĂN  
TOÁN  
ÁN  
T  
CHI M

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

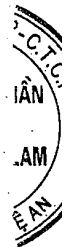
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	114.544.397	64.224.002
Tiền gửi ngân hàng	46.650.562.922	100.717.676.915
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	200.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>246.765.107.319</b>	<b>100.781.900.917</b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu vô chại kết	-	121.774.870
Phải thu vật tư chạy thử	-	198.437.422
Các khoản phải thu khác	16.844.601	-
<b>Cộng</b>	<b>16.844.601</b>	<b>320.212.292</b>

**3. Hàng tồn kho**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.617.085.362	2.963.100.006
Nguyên vật liệu	46.928.473.606	28.637.517.935
Công cụ, dụng cụ	94.547.771	39.756.582
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.211.582.671	25.326.812.566
Thành phẩm	3.518.035.840	6.943.469.671
<b>Cộng</b>	<b>79.369.725.250</b>	<b>63.910.656.760</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>79.369.725.250</b>	<b>63.910.656.760</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>					
Số dư đầu năm	200.838.850.529	996.149.666.350	6.117.951.424	2.891.372.970	1.205.997.841.273
Số tăng trong năm	6.916.268.535	1.036.888.891	65.363.591	263.801.094	8.282.322.111
- Mua sắm mới	144.441.800	1.036.888.891	65.363.591	118.472.724	1.365.167.006
- Phân loại lại, tăng khác	6.771.826.735	-	-	145.328.370	6.917.155.105
Số giảm trong năm	-	7.547.745.753	79.864.444	-	7.627.610.197
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Phân loại lại, giảm khác	-	7.547.745.753	79.864.444	-	7.627.610.197
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>207.755.119.064</b>	<b>989.638.809.488</b>	<b>6.103.450.571</b>	<b>3.155.174.064</b>	<b>1.206.652.553.187</b>
<i>Giá trị đã hao mòn</i>					
Số dư đầu năm	4.843.795.572	101.431.245.029	1.206.800.631	1.121.675.170	108.603.516.402
Khấu hao trong năm	4.300.154.850	83.707.555.682	1.018.724.400	673.183.339	89.699.618.271
- Khấu hao trong năm	4.061.147.800	83.707.555.682	1.018.724.400	621.115.748	89.408.543.630
- Phân loại lại	239.007.050	-	-	52.067.591	291.074.641
Giảm trong năm	-	3.022.108.850	324.409.600	-	3.346.518.450
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Phân loại lại, giảm khác	-	3.022.108.850	324.409.600	-	3.346.518.450
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.143.950.422</b>	<b>182.116.691.861</b>	<b>1.901.115.431</b>	<b>1.794.858.509</b>	<b>194.956.616.223</b>
<b>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình</b>					
Tại ngày đầu năm	195.995.054.957	894.718.421.321	4.911.150.793	1.769.697.800	1.097.394.324.871
Tại ngày cuối năm	<b>198.611.168.642</b>	<b>807.522.117.627</b>	<b>4.202.335.140</b>	<b>1.360.315.555</b>	<b>1.011.695.936.964</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 552.023.384 đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<b>Phần mềm Máy tính</b>	
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm		91.650.000
Số tăng trong năm		-
Số giảm trong năm		-
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>91.650.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm		17.819.200
Số tăng trong năm		30.547.200
Số giảm trong năm		-
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>48.366.400</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm		73.830.800
<b>Tại ngày cuối năm</b>		<b>43.283.600</b>

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	7.705.786.364	5.973.029.091
- Dự án xây dựng nhà máy Bia Sài Gòn - Sông Lam (GD II)	7.705.786.364	5.973.029.091
- Công trình khác	-	-
Mua sắm tài sản cố định	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.705.786.364</b>	<b>5.973.029.091</b>

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ phân bổ (*)	41.282.995.831	59.114.346.693
Chi phí ISO	509.666.993	-
Chi phí khác	41.234.274	78.741.306
<b>Cộng</b>	<b>41.833.897.098</b>	<b>59.193.087.999</b>

(\*) Công cụ dụng cụ phân bổ chủ yếu là vỏ chai 355, vỏ chai 450, két nhựa, pallet nhựa, chụp giữ kết được Công ty phân bổ trong 4 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	9.356.239.329	6.259.738.512
Thuế tiêu thụ đặc biệt	56.224.743.304	116.236.452.381
Thuế thu nhập cá nhân	130.018.841	124.752.967
<b>Cộng</b>	<b>65.711.001.474</b>	<b>122.620.943.860</b>

**9. Chi phí phải trả**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Lãi vay ngân hàng	24.569.130.266	28.233.635.653
Lãi chậm trả mua nguyên vật liệu	7.361.255.332	-
Trích trước máy móc thiết bị và nhà xưởng	5.753.713.486	40.643.764.465
Chi phí vận chuyển, bốc xếp nguyên vật liệu phải trả	1.494.758.712	1.152.541.135
Trích trước chi phí điện, nước	257.603.891	-
Chi phí phải trả khác	920.111.305	275.724.186
<b>Cộng</b>	<b>40.356.572.992</b>	<b>70.305.665.439</b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	145.342.295	138.339.243
Phải trả cổ tức	305.753.437	411.183.194
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	39.000.000	54.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	215.776.648	47.523.300
<b>Cộng</b>	<b>705.872.380</b>	<b>651.045.737</b>

**11. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	320.000.000	320.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>320.000.000</b>	<b>320.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**12. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn	731.772.970.738	631.041.177.681
- Vay dài hạn ngân hàng (*)	731.772.970.738	631.041.177.681
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>731.772.970.738</b>	<b>631.041.177.681</b>

(\*) *Vay dài hạn ngân hàng là khoản vay dài hạn Ngân hàng công thương chi nhánh 4 theo hợp đồng tín dụng số 09.440304/HĐTD ngày 02/04/2009, thời hạn vay 102 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, đảm bảo bằng toàn bộ nhà xưởng, văn phòng, máy móc thiết bị, tài sản khác thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà máy bia Sài Gòn - Sông Lam (giai đoạn I công suất 100 triệu lít/năm).*

**13. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Số dư đầu năm	10.558.798.236	14.078.397.795
Phát sinh trong năm	-	-
Phân bổ, điều chỉnh giảm lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	3.803.781.009	3.519.599.559
Số dư cuối năm	<b>6.755.017.227</b>	<b>10.558.798.236</b>

(\*) *Ghi chú: Doanh thu chưa thực hiện là khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được phân bổ dần vào thu nhập tài chính trong vòng 5 năm, bắt đầu từ năm 2010.*

**14. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	450.000.000.000	(882.995.650)
Lãi trong năm trước		(56.229.431.923)
Số dư cuối năm trước	450.000.000.000	(57.112.427.573)
Số dư đầu năm nay	450.000.000.000	(57.112.427.573)
Lãi trong năm nay		(39.293.170.284)
Số dư cuối năm nay	<b>450.000.000.000</b>	<b>(96.405.597.857)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2012 VND	%	01/01/2012 VND	%
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	309.500.000.000	68,78%	229.500.000.000	51,00%
Các cổ đông khác	140.500.000.000	31,22%	220.500.000.000	49,00%
<b>Cộng</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	450.000.000.000	450.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2012	01/01/2012
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	45.000.000	45.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	1.275.407.253.761	1.063.075.277.316
Doanh thu hoạt động khác	5.683.865.141	5.542.590.475
<b>Cộng</b>	<b>1.281.091.118.902</b>	<b>1.068.617.867.791</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	434.610.098.396	357.684.872.041
Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>434.610.098.396</b>	<b>357.684.872.041</b>

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hoá	840.797.155.365	705.390.405.275
Doanh thu thuần hoạt động khác	5.683.865.141	5.542.590.475
<b>Cộng</b>	<b>846.481.020.506</b>	<b>710.932.995.750</b>

**4. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hoá	781.966.291.215	663.109.716.560
<b>Cộng</b>	<b>781.966.291.215</b>	<b>663.109.716.560</b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.748.474.573	9.092.775.045
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.652.287.946	236.557.430
Phân bổ chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư	3.093.325.917	3.519.599.559
<b>Cộng</b>	<b>13.494.088.436</b>	<b>12.848.932.034</b>

**6. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	91.203.670.759	99.859.727.790
Lãi chậm trả mua vật tư	7.361.255.332	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	374.401.166	4.888.130
<b>Cộng</b>	<b>99.939.327.257</b>	<b>99.864.615.920</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế TNDN hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	(39.293.170.284)	(56.229.431.923)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	(39.293.170.284)	(56.229.431.923)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (*)</b>	-	-

**(\*) Ghi chú:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến việc phân bổ bao bì luân chuyển :

Trong năm tài chính 2012 công ty phân bổ giá trị bao bì luân chuyển (chai, két) với thời hạn 4 năm (theo quy định thuế hiện hành là 2 năm) chênh lệch giá trị phân bổ theo hai cách trên là 22.724.969.912 đồng. Tuy nhiên, do Công ty đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp và bị lỗ nên không tính phát sinh thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của phần chênh lệch này.

- Về tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng :

Công ty chính thức đi vào hoạt động sản xuất bia từ năm 2010 và phát sinh lỗ như sau: Năm 2010 lỗ 882.995.650 đồng, năm 2011 lỗ 56.229.431.923 đồng và năm 2012 phát sinh lỗ 39.293.170.284 đồng. Tuy nhiên, do Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và giá trị chuyển lỗ vào các năm sau chưa xác định được một cách tin cậy. Do vậy, Công ty không xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

3007833  
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - SÔNG LAM  
VH-T.NC

388  
NG T  
HIỆM H  
VỤ T  
NH KẾ  
TÍNH T  
VI  
HC

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(39.293.170.284)	(56.229.431.923)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(39.293.170.284)	(56.229.431.923)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	45.000.000	45.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(873)</b>	<b>(1.250)</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	664.951.601.659	563.697.771.991
Chi phí nhân công	15.604.659.229	11.036.451.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.439.090.830	89.655.369.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.468.735.394	18.823.373.735
Chi phí khác bằng tiền	8.681.585.516	7.569.370.960
<b>Cộng</b>	<b>801.145.672.628</b>	<b>690.782.337.491</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

*Trong năm tài chính 2012, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV Sabeco	Bên liên quan	Bán thành phẩm	1.275.252.404.670
Công ty CP Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh	Bên liên quan	Bán nguyên liệu	26.304.545
Công ty CP Thương mại Sabeco Bắc Trung Bộ	Bên liên quan	Bán thành phẩm	230.805.412
Công ty CP vận tải và giao nhận bia Sài Gòn	Bên liên quan	Vận chuyển bia	107.236.332
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	Mua nguyên liệu	521.654.473.824
		Lãi chậm trả mua nguyên liệu	7.361.255.332



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho đến cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị khoản phải thu / (phải trả) (VND)</b>
Công ty TNHH MTV Sabeco	Bên liên quan	Bán thành phẩm	43.798.446.446
Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	(216.573.790.341)
Công ty CP vận tải và giao nhận bia Sài Gòn	Bên liên quan	Vận chuyển bia	(21.014.615)

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN).

**Người lập biểu**

**Đặng Hải Hà**

*Tp. Vinh, ngày 12 tháng 01 năm 2013*

**Kê toán trưởng**

**Phan Thanh Thảo**

**Giám đốc**



**Lô Hải Thanh**